



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.25.02297

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : BỘT CÁ (INDIAN STEAM DRIED FISHMEAL)
Số lượng/ khối lượng : 4.000 bao/ 200.000 kg
Hãng, nước sản xuất : M/S. Progress Frozen & Fish Sterilization, India.
Thuộc lô hàng nhập khẩu
Hợp đồng số : MPL/PPT/FM/100-2024-25 ngày 24/02/2025
Hóa đơn số : E-247-2024-25 ngày 26/3/2025
Vận đơn số : AB2FX01565
Ngày sản xuất : 24-27/02/2025
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : Số 3553/HQ-GDK-TTKN ngày 22/5/2025
(Mã số hồ sơ: BNNPTNT29250035556)
Đơn vị được cấp : **CÔNG TY TNHH KHOA KỸ SINH VẬT
THĂNG LONG HẢI DƯƠNG**
Địa chỉ: Lô B3-2.1, KCN Cộng Hòa, phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKH-CN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT; Sửa đổi 1:2021
QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 907 /QĐ-TTKN

Ngày 04 tháng 6 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Yên



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
ANALYTICAL REPORT
Số/No.: 5883/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name ⁽¹⁾ : Trương Tiến Công
Địa chỉ/Address ⁽¹⁾ : số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
Người gửi mẫu/Delivered by ⁽¹⁾ : Trương Tiến Công
Mô tả mẫu/Sample description ⁽¹⁾ : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản
Mã số mẫu/Sample code : 173325051346
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 31/05/2025
Ngày phân tích/Analysing date : 31/05/2025

Tên mẫu/ Sample name ⁽¹⁾	Chỉ tiêu/ Parameters ⁽¹⁾	ĐVT/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp thử/ Test method
BỘT CÁ (INDIAN STEAM DRIED FISHMEAL), BNNPTNT292500355 56	Asen (As) tổng số	mg/kg (LOQ=0,15)	0,27	TCVN 9588:2013
	Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
	Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	0,64	TCVN 9588:2013
	Thủy ngân (Hg) (**)	mg/kg (LOQ=0,05)	0,07	EN 16277:2012
	Ethoxyquin (*)	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
	Escherichia coli (*)(**)	CFU/g	<10	TCVN 7924-2:2008
	Salmonella spp. (*)(**)	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Cần Thơ, ngày/date: 03/06/2025

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (**) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected ; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- ⁽¹⁾ Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.